

Câu 41: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số lớn nhất Tây Nguyên?

- A. Đà Lạt. B. Buôn Ma Thuột.
C. Pleiku. D. Kon Tum.

Câu 42: Phát biểu nào sau đây đúng về quá trình đô thị hóa ở nước ta?

- A. Diễn ra nhanh, trình độ đô thị hóa cao.
B. Diễn ra chậm, trình độ đô thị hóa thấp.
C. Diễn ra nhanh nhưng trình độ đô thị hóa thấp.
D. Nhanh hơn quá trình đô thị hóa của thế giới.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết tên các cao nguyên ở Tây Nguyên theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

- A. Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Lâm Viên. B. Pleiku, Đắk Lắk, Lâm Viên, Kon Tum.
C. Lâm Viên, Đắk Lắk, Pleiku, Kon Tum. D. Pleiku, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Viên.

Câu 44: Tên 3 đai cao của thiên nhiên nước ta xếp từ thấp đến cao là:

- A. nhiệt đới gió mùa, ôn đới lục địa, cận nhiệt đới gió mùa trên núi.
B. nhiệt đới lục địa, cận nhiệt đới ẩm trên núi, ôn đới gió mùa trên núi.
C. nhiệt đới gió mùa, ôn đới gió mùa trên núi, cận nhiệt đới gió mùa trên núi.
D. nhiệt đới gió mùa, cận nhiệt đới gió mùa trên núi, ôn đới gió mùa trên núi.

Câu 45: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về chất lượng nguồn lao động nước ta?

- A. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.
B. Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.
C. Có tác phong công nghiệp, chuyên nghiệp.
D. Cần cù, sáng tạo, ham học hỏi.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết biên độ nhiệt năm thấp nhất thuộc về biểu đồ khí hậu nào dưới đây?

- A. Thanh Hóa. B. Cà Mau. C. Sa Pa. D. Đồng Hới.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết diện tích đất phèn tập trung chủ yếu ở vùng nào dưới đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng Bằng sông Cửu Long.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết đỉnh lũ của sông Mê Công rơi vào tháng nào dưới đây?

- A. XI. B. IX. C. XII. D. X.

Câu 49: Phát biểu nào sau đây đúng với địa hình vùng núi Tây Bắc?

- A. Cao ở hai đầu, thấp ở giữa. B. Cao nhất nước ta.
C. Núi thấp chiếm ưu thế. D. Hướng núi vòng cung.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô lớn nhất Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Phan Thiết. C. Nha Trang. D. Quy Nhơn.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết đường bờ biển nước ta kéo dài từ đâu đến đâu?

- A. Hải Phòng đến Kiên Giang. B. Quảng Ninh đến Cà Mau.
C. Móng Cái đến Hà Tiên. D. Móng Cái đến Cà Mau.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây vừa có khu kinh tế ven biển vừa có khu kinh tế cửa khẩu?

- A. Quảng Nam. B. Quảng Bình. C. Bình Định. D. Thanh Hóa.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh (thành) nào sau đây xuất siêu?

- A. Bình Dương. B. Lạng Sơn. C. Hải Phòng. D. Đồng Nai.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây **không** có hướng vòng cung?

- A. Pu Đen Đinh. B. Bắc Sơn. C. Đông Triều. D. Ngân Sơn.

Câu 55: Các loại gió chính thổi vào mùa đông của nước ta là

- A. gió mùa Tây Nam, gió địa phương. B. gió mùa Đông Bắc, tín phong bán cầu Nam.
C. gió mùa Đông Bắc, tín phong bán cầu Bắc. D. gió mùa Tây Nam, gió Tây Nam.
- Câu 56:** Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh nào có sản lượng thịt hơi xuất chuồng trên đầu người thấp nhất trong các tỉnh sau?

- A. Thanh Hóa. B. Phú Thọ. C. Lai Châu. D. Thái Bình.
- Câu 57:** Nhân tố nào dưới đây **không** quy định tính đa dạng của thiên nhiên nước ta?

- A. Gió mùa, biển Đông, hình dạng lãnh thổ kéo dài.
B. Vị trí địa lí nằm trong vùng nội chí tuyến, núi thấp.
C. Sinh vật, cấu trúc địa hình, các khối khí qua biển.
D. Núi cao, núi trung bình, hướng địa hình, hướng nghiêng.
- Câu 58:** Nhận định nào dưới đây **không** chính xác với đặc điểm lãnh thổ nước ta?
- A. Biên giới trên bộ dài nhất là biên giới Việt - Lào.
B. Lãnh thổ nước ta gồm 3 bộ phận hợp thành.
C. Lãnh thổ hẹp ngang và kéo dài theo chiều Bắc – Nam.
D. Vùng đất gồm toàn bộ diện tích phần đất liền.

Câu 59: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA Ở MỘT SỐ VÙNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2018

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	999,7	6 085,5
Trung du và miền núi Bắc Bộ	631,2	3 590,6
Tây Nguyên	245,4	1 375,6
Đông Nam Bộ	270,5	1 423,0
Đồng bằng sông Cửu Long	4 107,4	24 441,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với diện tích và sản lượng lúa của các vùng ở nước ta năm 2018?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích và sản lượng lúa lớn nhất.
B. Đồng bằng sông Hồng có diện tích đứng thứ 2, sản lượng đứng thứ 3.
C. Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng gấp 5 lần đồng bằng sông Hồng.
D. Trung du miền núi Bắc Bộ có diện tích và sản lượng lúa ít hơn Đông Nam Bộ.

Câu 60: Điểm khác nhau chủ yếu giữa vùng núi Tây Bắc và Đông Bắc là

- A. Tây Bắc có các thung lũng sông cùng hướng núi, Đông Bắc không có.
B. Tây Bắc chủ yếu núi thấp, Đông Bắc có nhiều đỉnh trên 2000m.
C. Tây Bắc cao đồ sộ nhiều đỉnh trên 2000m, Đông Bắc chủ yếu là núi thấp.
D. Tây Bắc hướng núi vòng cung, Đông Bắc hướng Tây Bắc – Đông Nam.

Câu 61: Hiện tượng sạt lở bờ biển xảy ra ở miền Trung là biểu hiện của quá trình

- A. xâm thực. B. vận chuyển. C. thổi mòn. D. bồi tụ.

Câu 62: Chức năng bảo vệ cảnh quan và đa dạng sinh vật là của loại rừng nào sau đây?

- A. Rừng phòng hộ. B. Rừng trồng mới.
C. Rừng sản xuất. D. Rừng đặc dụng.

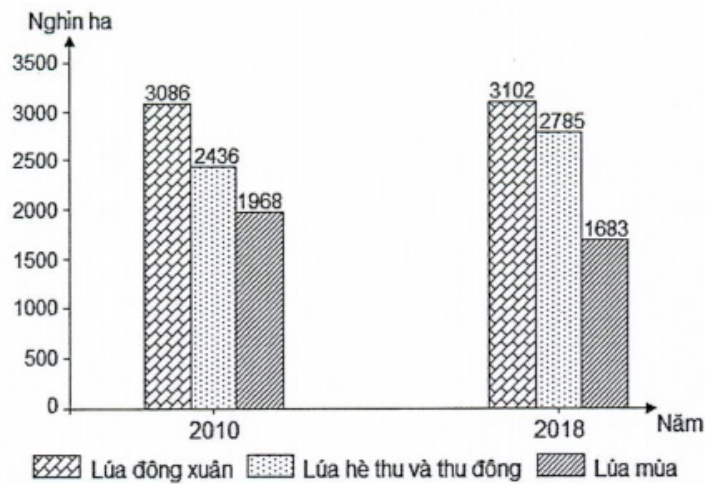
Câu 63: Tác động chủ yếu của đô thị hóa tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội nước ta là

- A. thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
B. tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật.
C. mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa.
D. tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.

Câu 64: Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nửa sau mùa đông tới khí hậu miền Bắc là

- A. giảm bớt hanh khô, gây mưa phùn và độ ẩm cao.
B. mưa lớn nửa đầu mùa đông, bão hoạt động mạnh.
C. tạo mùa khô sâu sắc, độ ẩm giảm, không có mưa.
D. mùa khô ngắn, khô hanh, hạn hán, thời tiết lạnh.

Câu 65: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018
(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta năm 2018 so với năm 2010?

- A. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng.
- B. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng.
- C. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng.
- D. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.

Câu 66: Trong bài thơ Tây Tiến, hai câu thơ: “Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi/Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”, nhà thơ Quang Dũng đã nhắc đến vùng núi nào của nước ta dưới đây?

- A. Trường Sơn Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Trường Sơn Nam
- D. Tây Bắc.

Câu 67: Nguyên nhân nào gây nên hiện tượng thời tiết nóng khô ở vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta vào mùa hạ?

- A. Ảnh hưởng của gió Lào khô nóng thổi từ phía Tây sang.
- B. Chịu ảnh hưởng của gió mùa hạ khô nóng.
- C. Gió mùa Tây Nam bị biến tính khi vượt qua dãy Trường Sơn.
- D. Ảnh hưởng của gió Tín Phong khô nóng từ biển thổi vào.

Câu 68: Miền Bắc có sự xuất hiện nhiều loài sinh vật có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới chủ yếu do

- A. nằm trên đường di cư của các loài sinh vật, có mùa đông lạnh.
- B. có hai mùa mưa khô rõ rệt, hướng nghiêng địa hình.
- C. địa hình đồi núi chiếm ưu thế, nhiều đỉnh cao trên 2000m.
- D. có mùa đông lạnh, địa hình phân bậc theo đai cao.

Câu 69: Biển Đông có ảnh hưởng sâu sắc đến thiên nhiên phần đất liền nước ta chủ yếu do

- A. hướng nghiêng địa hình thấp dần ra biển.
- B. có nhiều vũng, vịnh ăn sâu vào đất liền.
- C. hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.
- D. biển Đông là một vùng biển rộng lớn.

Câu 70: Sự mất cân bằng giới tính khi sinh ở nước ta ngày càng gia tăng chủ yếu do

- A. chính sách kế hoạch hóa gia đình.
- B. tư tưởng trọng nam khinh nữ.
- C. tốc độ gia tăng dân số giảm.
- D. hậu quả của chiến tranh.

Câu 71: Một trong những giải pháp hiệu quả để chống xói mòn đất ở vùng núi là

- A. đẩy mạnh trồng cây lương thực.
- B. phát triển mô hình kinh tế trang trại.
- C. làm ruộng bậc thang, đào hồ vẫy cá.
- D. phát triển mô hình kinh tế hộ gia đình.

Câu 72: Nguyên nhân gây tình trạng ngập lụt ở đồng bằng duyên hải miền Trung là

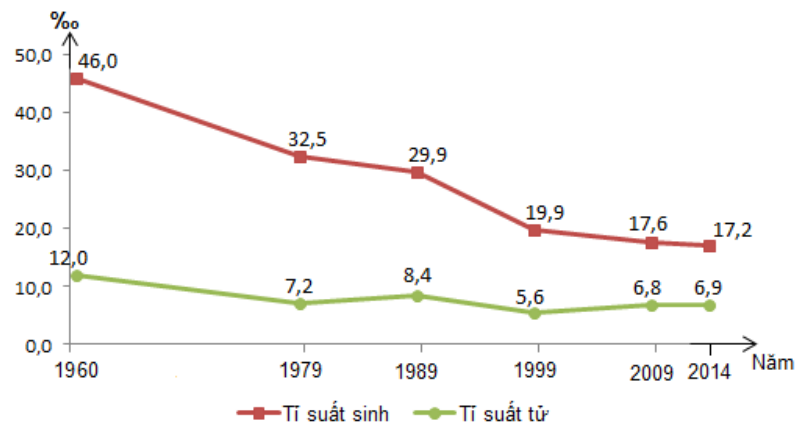
- A. có đê sông, đê biển bao bọc quanh các mặt đất thấp.
- B. đồng bằng thấp, bằng phẳng, mật độ xây dựng cao.
- C. do triều cường, mưa bão lớn, hệ thống sông lớn.
- D. mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.

Câu 73: Các đô thị của nước ta phân bố tập trung ở đồng bằng ven biển chủ yếu do

- A. nền nông nghiệp trồng lúa nước thu hút dân cư.
- B. địa hình đồng bằng bằng phẳng, đất đai màu mỡ.

- C. lịch sử lâu đời, có nhiều đô thị hình thành sớm.
D. kinh tế phát triển đặc biệt là công nghiệp, dịch vụ.

Câu 74: Cho biểu đồ về sinh, tử của nước ta giai đoạn 1960 - 2014:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tình hình tỉ suất sinh và tỉ suất tử. B. Sự chuyển dịch cơ cấu tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
C. Cơ cấu tỉ suất sinh và tỉ suất tử. D. Tốc độ tăng trưởng tỉ suất sinh và tỉ suất tử.

Câu 75: Nếu ở chân núi Phanxipăng (3143 m) có nhiệt độ là $20,9^{\circ}\text{C}$ thì theo quy luật đai cao, nhiệt độ ở đỉnh núi này sẽ là:

- A. $10,8^{\circ}\text{C}$ B. $2,1^{\circ}\text{C}$ C. $12,8^{\circ}\text{C}$ D. 5°C

Câu 76: Ở nước ta đất feralit chiếm phần lớn diện tích chủ yếu là do

- A. mạng lưới sông ngòi dày đặc và địa hình nhiều đồi núi.
B. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. xâm thực mạnh ở đồi núi và bồi tụ nhanh ở đồng bằng.
D. vùng đồi núi có độ dốc lớn và có tổng lượng mưa lớn.

Câu 77: Sông ngòi ở Trung Bộ có lũ lên nhanh rút nhanh chủ yếu do

- A. mưa lớn tập trung, sông ngắn, dốc, đồng bằng nhỏ hẹp.
B. mạng lưới sông hình nan quạt, đồng bằng bằng phẳng.
C. ít hồ điều tiết lũ, rừng bị tàn phá, địa hình nhiều đồi núi.
D. diện tích lưu vực lớn, địa hình có độ dốc lớn, nhiều bão.

Câu 78: Phương hướng quan trọng nhằm giải quyết việc làm đối với khu vực thành thị nước ta là

- A. thực hiện tốt chính sách dân số. B. phân bố lại dân cư và lao động.
C. đa dạng hóa các hoạt động sản xuất. D. đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2012	2013	2014	2015
Lúa đông xuân	3 124,3	3 105,6	3 116,5	3 112,8
Lúa hè thu	2 659,1	2 810,8	2 734,1	2 783,0
Lúa mùa	1 977,8	1 986,1	1 965,6	1 934,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu diện tích lúa cả năm phân theo vụ của nước ta giai đoạn 2012 - 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Kết hợp. C. Cột. D. Đường.

Câu 80: Nhân tố tạo ra sự đối lập hai mùa giữa Tây Nguyên và ven biển Nam Trung Bộ là

- A. dãy Trường Sơn, gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc.
B. dãy Trường Sơn, gió mùa Đông Bắc, tín phong bán cầu Bắc.
C. khối khí ẩm Bắc Ấn Độ Dương, gió mùa Đông Bắc.
D. dãy Trường Sơn, gió Tây Nam, gió tín phong bán cầu Bắc.

----- HẾT -----

mamon	made	cautron	dapan
Đ A 12	101	41	B
Đ A 12	101	42	B
Đ A 12	101	43	A
Đ A 12	101	44	D
Đ A 12	101	45	C
Đ A 12	101	46	B
Đ A 12	101	47	D
Đ A 12	101	48	D
Đ A 12	101	49	B
Đ A 12	101	50	C
Đ A 12	101	51	C
Đ A 12	101	52	B
Đ A 12	101	53	A
Đ A 12	101	54	A
Đ A 12	101	55	C
Đ A 12	101	56	C
Đ A 12	101	57	B
Đ A 12	101	58	D
Đ A 12	101	59	A
Đ A 12	101	60	C
Đ A 12	101	61	A
Đ A 12	101	62	D
Đ A 12	101	63	A
Đ A 12	101	64	A
Đ A 12	101	65	B
Đ A 12	101	66	D
Đ A 12	101	67	C
Đ A 12	101	68	D
Đ A 12	101	69	C
Đ A 12	101	70	B
Đ A 12	101	71	C
Đ A 12	101	72	D
Đ A 12	101	73	D
Đ A 12	101	74	A
Đ A 12	101	75	B
Đ A 12	101	76	B
Đ A 12	101	77	A
Đ A 12	101	78	C
Đ A 12	101	79	A
Đ A 12	101	80	D